

Số: **158** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 9 năm 2022

## **TỜ TRÌNH**

**Về ban hành Nghị quyết danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu  
hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa,  
đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện nội dung Công văn số 210/HĐND-KTNS ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất và công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh; xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4841/TTr-STNMT ngày 21/9/2022 và Báo cáo số 244/BC-STNMT ngày 21/9/2022, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh như sau:

**A. Công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp và công trình, dự án xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh**

**I. Tình hình triển khai lập danh mục công trình, dự án năm 2022**

**1. Sự cần thiết**

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai thì: "*Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng*".

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 (*sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP*) Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định "*Trường hợp có bổ sung dự án, công trình mà phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai thì phải được HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện*".

Như vậy, việc HĐND tỉnh thông qua bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết.

**2. Căn cứ pháp lý triển khai thực hiện**

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

### **3. Quy trình triển khai thực hiện**

- UBND tỉnh căn cứ các quy định của Trung ương, ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện lập danh bổ sung mục công trình, dự án thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc các địa phương lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022;

- UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện;

- Tổng hợp kết quả bổ sung các công trình, dự án cấp tỉnh từ kết quả các công trình, dự án của UBND cấp huyện đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022.

### **4. Nguyên tắc xác định danh mục công trình, dự án**

- Xác định các danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất (*quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai*): Được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại Điều 36 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021; đồng thời xác định danh mục, công trình, dự án theo nguyên tắc chỉ đạo của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 518/HĐND-KTNS ngày 03/12/2014.

- Danh mục công trình, dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ: Đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

## II. Kết quả thực hiện lập bổ sung các danh mục công trình, dự án năm 2022

### 1. Công trình, dự án phải thu hồi đất (khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai)

Tổng số: 41 công trình, dự án, diện tích 400,626ha. Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

Stt	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	9	43,96	41800	Biểu 1.1
2	Huyện Tư Nghĩa	5	48,1	51120	Biểu 1.2
3	Huyện Mộ Đức	2	0,19	1660	Biểu 1.3
4	Huyện Sơn Hà	7	6,596	8800	Biểu 1.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	6	193,14	269449	Biểu 1.5
6	Huyện Nghĩa Hành	3	36,38	36300	Biểu 1.6
7	Thị xã Đức Phổ	3	20	42117,8	Biểu 1.7
8	Huyện Bình Sơn	5	50,66	71280	Biểu 1.8
9	Huyện Minh Long	1	1,6	20	Biểu 1.9
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>400,626</b>	<b>458394,8</b>	

(chi tiết có Biểu 1 kèm theo)

### 2. Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ (điểm b, khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)

Tổng số: 47 công trình, dự án, diện tích 293,30865 ha (trong đó: đất lúa 104,7678ha, đất rừng phòng hộ 0,00362ha). Chi tiết cụ thể theo biểu số liệu sau:

STT	Tên huyện, thành phố, thị xã	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú
				Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	
1	Huyện Sơn Tịnh	7	27,66	5,13		Biểu 2.1

2	Huyện Tư Nghĩa	2	12,86	4,62		Biểu 2.2
3	Huyện Mộ Đức	3	15,49	0,16		Biểu 2.3
4	Huyện Sơn Hà	3	2,51665	0,5479	0,00362	Biểu 2.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	1	13,75	1,05		Biểu 2.5
6	Huyện Nghĩa Hành	3	8,72	3,98		Biểu 2.6
7	Thị xã Đức Phổ	24	199,78	83,39		Biểu 2.7
8	Huyện Bình Sơn	2	1,812	0,2199		Biểu 2.8
9	Huyện Ba Tơ	2	10,72	5,67		Biểu 2.9
	<b>Tổng</b>	<b>47</b>	<b>293,30865</b>	<b>104,7678</b>	<b>0,00362</b>	

(chi tiết có Biểu 2 kèm theo)

### 3. Dự kiến các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Tổng kinh phí dự kiến cụ thể được các khoản kinh phí chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **458394,8** triệu đồng.

### 4. Một số trường hợp trình UBND tỉnh xem xét, xin ý kiến HĐND tỉnh

Đối với công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp mà chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa chuyển mục đích sử dụng đất.

Theo báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố đối với các công trình, dự án có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất nay UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đề nghị được thực hiện dự án thu hồi đất trong năm 2022, với nguyên nhân chủ yếu là các công trình, dự án có diện tích quy mô lớn, công trình dạng tuyến (*khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng...*), ngoài ra, có một số công trình, dự án UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tiến hành thu hồi một phần diện tích, phần diện tích còn lại chưa thu hồi được, nay đã quá 3 năm mà chưa thực hiện đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Điểm 1.1, khoản 1, mục II: Nội dung tại khoản 1 Điều 2 quy định “Tiếp tục triển khai thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2022 đối với các công trình theo Biểu 3 và các Biểu từ 3.1 đến 3.5 kèm theo Nghị quyết” là không phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Qua kiểm tra, rà soát từng danh mục công trình, dự án kèm theo danh mục xin tiếp tục thực hiện đã phân loại diện tích cụ thể rõ ràng: việc xin tiếp tục thực hiện các công trình dự án đối với phần diện tích đất chưa thu hồi là có bao gồm xin tiếp tục thực hiện phần diện tích đất lúa, đất rừng phòng hộ đối với các công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trước đây đã được HĐND tỉnh cho phép chuyển mục đích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai.

Như vậy, đối với dự án đã có trong kế hoạch sử dụng đất 03 năm liên tiếp chưa hoàn thành thủ tục đất đai, UBND tỉnh tổng hợp và giải trình nêu trên báo cáo HĐND tỉnh xem xét, thông qua; trường hợp HĐND tỉnh thống nhất thì UBND tỉnh hoàn thiện thủ tục, tiếp tục cho thực hiện đất đai trong năm 2022; trường hợp HĐND tỉnh không thống nhất thì UBND tỉnh không tổng hợp danh mục tiếp tục cho thực hiện (*chi tiết có Biểu 03 kèm theo và các Biểu từ 3.1 đến 3.4 kèm theo*).

**B. Chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh** (*thực hiện theo đúng mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*):

**I. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn**

**1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt**

Trên cơ sở Luật Quy hoạch, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo thực hiện đồng thời việc lập Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp tỉnh, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng đất phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Hiện nay, 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, trong đó:

- Tổng chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt là 7.452,88ha.

- Tổng chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt là 506,75ha.

**2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,**



**đất rừng phòng hộ đã được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030):**

a) Những kết quả đạt được trong việc chuyển mục đích sử dụng đất (trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 2021-2030).

- Chi tiêu đất trồng lúa toàn tỉnh đã được xét duyệt (*chi tiêu được tổng hợp từ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt*): 7.452,88ha.

Diện tích đất trồng lúa toàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 là 149,701ha để thực hiện 118 công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa, năm 2022 là 133,5ha để thực hiện 159 công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa.

Diện tích đất trồng lúa đã được Quốc hội thông qua chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 là 141,375 tại Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022.

Diện tích đất trồng lúa toàn tỉnh còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng: 7.028,3ha.

- Chi tiêu đất rừng phòng hộ toàn tỉnh đã được xét duyệt (*chi tiêu được tổng hợp từ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt*): 506,75ha.

Diện tích đất rừng phòng hộ toàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 là 3,33ha để thực hiện 07 công trình, dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, năm 2022 là 6,84ha để thực hiện 02 công trình, dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ.

Diện tích đất rừng phòng hộ toàn tỉnh còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng: 496,58ha.

(*Chi tiết tại Bảng số 01, Bảng số 02, Bảng số 03, 3.1-3.12 kèm theo*)

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Tồn tại, hạn chế trong việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa được xét duyệt: Chi tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cấp tỉnh được tổng hợp từ chi tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030. Các chi tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang mục đích phi nông nghiệp vừa được phê duyệt nên đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để tổ chức triển khai thực hiện các dự án, công trình.

- Nguyên nhân: Hiện nay, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp Quốc gia đang được Chính phủ tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn toàn quốc, chưa được Quốc hội phê duyệt, đồng thời Chính phủ mới phân bổ chi tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để lập Quy hoạch tỉnh, lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 – 2025 và lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất cấp

huyện tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

## **II. Đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 để thực hiện dự án.**

### **1. Căn cứ đề xuất việc chuyển mục đích sử dụng đất.**

a) Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án được tổng hợp theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Căn cứ pháp lý của việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ: theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai; hồ sơ được xác lập theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

c) Đánh giá sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án về vị trí, diện tích, loại đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt:

- Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước: Diện tích đất trồng lúa kỳ trước (2011-2020) chưa thực hiện, còn lại 3.939 ha, so với diện tích đăng ký chuyển mục đích đất trồng lúa thực hiện dự án với diện tích 104,7678ha là đảm bảo chỉ tiêu thực hiện chuyển mục đích.

- Các dự án đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt vào tháng 9 năm 2021.

- Về Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 5 năm (2021-2025) hiện nay UBND tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai thực hiện, do đó dự án sẽ được cập nhật vào phương án Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 5 năm (2021-2025) theo Nghị quyết số: 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 (*...Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn*).

- Về chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa: 104,7678ha/7028,3ha diện tích còn lại đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thực hiện dự án.

Về chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ: 0,00362ha/496,58ha diện tích còn lại đảm bảo chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ thực hiện dự án.

d) Đánh giá sự phù hợp của việc sử dụng đất thực hiện dự án với quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác: Các công trình, dự án đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng đã có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; do

đó, đảm bảo phù hợp theo quy hoạch các ngành, lĩnh vực khác.

**2. Đề xuất chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư**

- Tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án đầu tư: 104,7678ha trên tổng 47 dự án.

- Tổng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để thực hiện dự án đầu tư: 0,00362ha trên tổng 01 dự án.

(Chi tiết có Bảng 04 kèm theo)

**C. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp trong năm 2022, UBND tỉnh thực hiện:**

1. Bổ sung các công trình, dự án trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

2. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường để lập các thủ tục hoán đổi đất lúa, đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình, dự án đối với phần diện tích nằm trong Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 08/8/2012 và Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các chủ đầu tư dự án tiếp tục triển khai thực hiện các công trình, dự án của năm 2020, 2021, 2022 theo quy định khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu VT, KTNak1101.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Phước Hiền**



Biểu 01:

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Tài chính số 158.../TT-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	9	43,96	41800,0	Biểu 1.1
2	Huyện Tư Nghĩa	5	48,1	51120,0	Biểu 1.2
3	Huyện Mộ Đức	2	0,19	1660,0	Biểu 1.3
4	Huyện Sơn Hà	7	6,596	8800,0	Biểu 1.4
5	Thành phố Quảng Ngãi	6	193,14	269449,0	Biểu 1.5
6	Huyện Nghĩa Hành	3	36,38	36300,0	Biểu 1.6
7	Thị xã Đức Phổ	3	20	42117,8	Biểu 1.7
8	Huyện Bình Sơn	5	50,66	7128,0	Biểu 1.8
9	Huyện Minh Long	1	1,6	20,0	Biểu 1.9
	<b>Tổng</b>	<b>41</b>	<b>400,626</b>	<b>458394,8</b>	

## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN TINH

(Kèm theo Tờ trình số 158/TTV-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phần bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
								Tổng (triệu đồng)	Trong đó				Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)	
									Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = 10 + 11 + 12 + 13 + 14	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Hồ chứa nước Hồ Vàng	2,50	xã Tinh Hiệp	Tờ Bản đồ số 14, 15	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
2	Hồ chứa nước Hồ Đào	2,50	xã Tinh Hiệp	Tờ Bản đồ số 25	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
3	Hồ chứa nước Đá Chông	2,50	xã Tinh Bình và Tinh Thọ	Tờ Bản đồ số 1 xã Tinh Bình, và Tờ Bản đồ số 11, 17 xã Tinh Thọ	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	1.500	0	1.500						Bổ sung KHSD đất
4	Dự án xây dựng mới hồ chứa Hồ Sáu	18,00	xã Tinh Đông	Tờ bản đồ số 13, 18, 19, 25 và 28 xã Tinh Đông	Quyết định số 367/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương (đợt 2)	13.800				13.800				Bổ sung KHSD đất
5	Sân vận động xã Tinh Bắc	1,00	xã Tinh Bắc	Tờ bản đồ số 12	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	3.500				3.500				Bổ sung KHSD đất
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Tinh Bắc - Tinh Đông, huyện Sơn Tinh	0,862	Xã Tinh Sơn, Tinh Bắc, Tinh Đông	Tờ bản đồ số 15 xã Tinh Sơn; Tờ bản đồ số 12 xã Tinh Bắc và Tờ bản đồ số 26 xã Tinh Đông	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	1.300				1.300			0	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (tên cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Quyết định phân khai vốn đầu tư năm 2022	Tổng nguồn vốn đầu tư	Phân bổ kinh phí đầu tư năm 2022	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
								Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hộ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = 10 + 11 + 12 + 13 + 14	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
7	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tịnh	0,300	xã Tịnh Hà	Tờ bản đồ số 14 xã Tịnh Hà	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao kế hoạch vốn từ nguồn thu để lại cáo đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước đợt 1 năm 2017			500	500					
8	Kê chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc	15,700	xã Tịnh Hà, xã Tịnh Sơn	Tờ bản đồ số 19, 20, 21, 22, 26, 28 xã Tịnh Hà, từ xã Tịnh Sơn	Nghị Quyết số 19/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc cho chủ trương đầu tư xây dựng dự án Kê chống sạt lở bờ Bắc sông Trà Khúc, huyện Sơn Tịnh và Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội			20.000	20.000					
9	Xây dựng Cầu Bằng Thuận, xã Tịnh Giang	0,600	Xã Tịnh Giang	Tờ bản đồ số 18	Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	20.000		1.500		1.500				Hiện trong đã có cầu và đường giao thông được sửa chữa theo hiện trạng
<b>TỔNG CỘNG</b>								<b>27.800,00</b>	<b>20.500,00</b>	<b>29.100,00</b>	<b>8,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	



## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kèm theo **Quyết định số 1332/QĐ-UBND** ngày 22/10/2022 của UBND tỉnh) **TTT-UBND** ngày 22/10/2022 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vi trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Chi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
1	Chùa Cảnh Tiên	0,22	Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 18, xã Nghĩa Thương	Công văn số 2469/UBND-KTN ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh	220						Không bồi thường
2	Mở rộng trụ sở làm việc Huyện ủy Tư Nghĩa	0,05	Thị trấn La Hà	Tờ bản đồ số 23, TT La Hà	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	3.500			3.500,00			
3	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa	0,60	Xã Nghĩa Hòa	Tờ bản đồ số 09, xã Nghĩa Hòa	QĐ số 2872/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	600						Không bồi thường
4	Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	0,25	Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 11, Nghĩa Thương	QĐ số 17061/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	800			800			Bổ sung đoạn còn thiếu Nghĩa Thương
5	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghĩa Kỳ (mở rộng) qua địa bàn huyện Tư Nghĩa	46,98	Xã Nghĩa Kỳ	Tờ bản đồ số 32, 33, 34, 35, 36 xã Nghĩa Kỳ		46.000						
<b>Tổng</b>	<b>Tổng cộng: 05 công trình, dự án</b>	<b>48,10</b>				<b>51120,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>4300,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	



## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MỘC ĐỨC

(Kèm theo *Tờ trình số 158/TT-UBND* ngày *22/19/2022* của *UBND tỉnh*)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch	Địa điểm (cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số thửa số hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã)	Công văn, chủ trương	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (trên đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú	0,13	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 16,23	Quyết định số 1184a/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định 297/QĐ-04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	160,6		160,6				
2	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0,06	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 của xã Đức Lân	Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 12/1/2011 của UBND xã Đức Lân và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Đức Lân	1.500,0			900,0	600,0		
<b>Tổng cộng 2 công trình</b>						<b>1.660,55</b>	<b>0,00</b>	<b>160,55</b>	<b>900,00</b>	<b>600,00</b>		

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH ĐẠC PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN SƠN HÀ**  
(Kèm theo Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Vị trí trên bản đồ hoặc vị trí hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý (các chủ trương, QP, ghi vốn,)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
							Tổng (Tr.đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
1	Kho học Nhà nước Sơn Hà, Quảng Ngãi	0,26	Thị trấn Di Lăng			Quyết định số 145/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2022 của kho học Nhà nước; Quyết định số 1488/QĐ-KBNN ngày 04/4/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022	1.000,00				1000,00	Nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của KBNN
2	Khu tái định cư Xã Riêng	2,0	xã Sơn Nham	15.901,0		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3.000,00	3.000,0				
3	Dự án xây dựng khu tái định cư Gò Rem, thôn Lăng Kê, xã Sơn Giang	2,2	xã Sơn Giang	15.901,0		Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	3.300,00	3.300,0				
4	Nghĩa (trung nhân dân thôn Lăng Lành (mở rộng)	1,0	xã Sơn Hải	1.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà và việc phân khai chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	100,00	100,00				Vấn dựng dân hiến đất
5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lăng Lành - xã Sơn Hải	0,015	Xã Sơn Hải	5.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà và việc phân khai chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	1.000,00	1.000,00				
6	Sân vận động xã Sơn Linh	1,11665	xã Sơn Linh	4.000,0		Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của HĐND huyện Sơn Hà và việc phân khai chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	300,00	300,0				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số số, hoặc vị trí trên bản đồ kiến trúc sử dụng đất cấp xã)	Cơ sở pháp lý (tên chủ trương, QĐ, ghi vốn, )	Dự kiến tính phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
							Tổng (Tr.đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
7	Nâng cấp đường dây truyền biến áp 10kV/20kV	0,0045	Thị trấn Di Lăng	1.000,0		(tên chủ trương, QĐ, ghi vốn, )	100,00	100,00				Hiện thiếu hệ thống điện chiếu sáng phục vụ cho dân trong Khu III Đình cơ
	<b>Tổng cộng: 7</b>	<b>6,596</b>		<b>42802,000</b>			<b>8.800,000</b>	<b>7800,000</b>			<b>1080,000</b>	



## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 28.../TV-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phú Trường, xã Nghĩa An	3,50	Xã Nghĩa An	Tờ bản đồ số 01, 18, 20	Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	100		100				Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh với diện tích 0,5 ha. Đăng ký bổ sung thêm 3,5 ha
2	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (cầu Trà Khúc I - bến Tam Thượng)	6,07	Phường Lê Hồng Phong	Tờ bản đồ số 11, 12	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án	6.000						



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng (triệu đồng)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư				Ghi chú	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
3	Khu dân cư An Phú (Đào Ngọc)	162,78	Xã Tịnh An, phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 8, 9, 10, 12, 13, 14 xã Tịnh An; tờ bản đồ số 16, 17, 19, 20 phường Trương Quang Trọng	Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022	162.000						
4	Trung tâm Thể dục thể thao Trung Thành Long	1,46	Phường Trương Quang Trọng	Tờ bản đồ số 23	Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Thể dục thể thao Trung Thành Long; Công văn số 5156/UBND-NNIN ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự án vào quy hoạch sử dụng đất dành cho lĩnh vực xã hội hóa tỉnh	1.460						
5	Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị tại phường Nghĩa Chánh	5,58	Phường Nghĩa Chánh	Tờ bản đồ số 5, 56, 57, 58 phường Nghĩa Chánh	UBND thành phố Quảng Ngãi đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đầu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư	50.000					50.000	

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số)	Chủ trương, quyết định, ghi vắn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư							Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		(12)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)		
6	Khu dân cư Đông Thiên An	13,75	Xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 1, 5, 18, 22		49.889					49.889	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư		
<b>TỔNG CỘNG: 6</b>						<b>193,14</b>	<b>269.449,00</b>		<b>100,00</b>		<b>99.889,00</b>			

## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Tờ trình số 158/TĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Chức vụ, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (trệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (mở rộng)	29,08	Hành Dũng và Hành Thuận	tờ bản đồ số 02, 03, 06 xã Hành Dũng và 08, 09 xã Hành Thuận	Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	29.000						
2	Đường huyện DH.59C	3,10	Xã Hành Thuận, Hành Đức và TT Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 11, 17 xã Hành Thuận; Tờ bản đồ số 01 xã Hành Đức và tờ bản đồ số 01, 12, 17, 22 thửa Chạy Chùa	Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường huyện DH.59C.; Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.	3.100						
3	Khu dân cư phía Tây Đường Tránh Đông, xã Hành Thuận	4,20	Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 17 xã Hành Thuận	Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về chủ trương đầu tư dự án: Khu dân cư phía Tây Đường Tránh Đông, xã Hành Thuận; Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc giao chỉ tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	4.200						
<b>Tổng</b>	<b>Tổng cộng: 3 công trình, dự án</b>	<b>36,38</b>				<b>36300,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>			

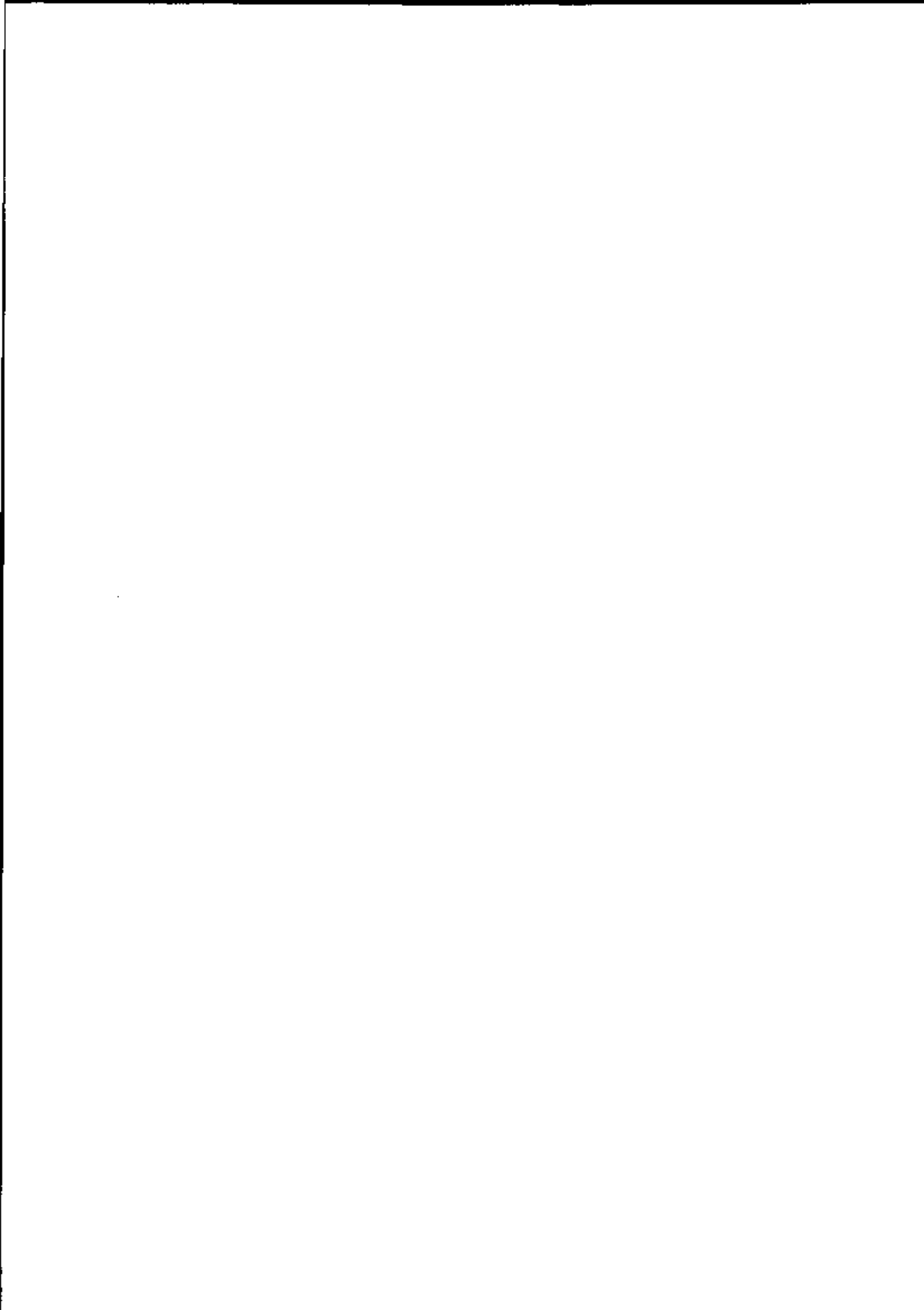
10/10/10



## DANH MỤC BỒ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 TỈNH XÃ ĐỨC PHỒ

(Kèm theo **Tờ trình số 117/TTr-UBND** ngày 28/09/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ xã, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, Quyết định, ghi vấn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã, phường		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Khu đô thị phía Đông đường Nguyễn Tất Thành	18,9	phường Phố Minh và phường Phố Vinh	Tờ bản đồ địa chính số 17 phường Phố Minh và tờ số 12, 17 phường Phố Vinh	Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	18000					18000	Để thực hiện đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2	Khu tái định cư phục vụ dự án Dầu từ hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ Châu Bàu đến Sông Rô)	0,70	Xã Phố Hoà	Tờ số 5	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	24.000		19.200	4.800			
3	Dự án: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phố Cường - Phố Khánh	0,40	xã Phố Khánh	Tờ số 49		42117,80		19317,80	4800,00			
<b>TỔNG: 3</b>						<b>20,00</b>						



## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Tờ trình số 229/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Trong đó						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Tổng (triệu đồng) (7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	Ngân sách Trung ương (8)	Ngân sách tỉnh (9)	Ngân sách cấp huyện (10)	Ngân sách cấp xã (11)	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...) (12)	(13)
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Trì Bình, xã Bình Nguyễn	0,28	xã Bình Trung, xã Bình Nguyễn	xã Bình Trung: từ bản đồ số 22, 23; xã Bình Nguyễn: từ bản đồ số 9, 21	Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung năm 2022 vốn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	580	580					
2	Khu đô thị mới phía Tây đường Phạm Văn Đồng	45,00	xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô	xã Bình Trung: từ bản đồ số 17, 18; thị trấn Châu Ô: từ bản đồ số 42		4500						Để thực hiện đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vùn Tưng; Hàng mục mái taluy (phần bổ sung năm ngoài quy hoạch sử dụng đất)	1,53	xã Bình Hải	Từ bản đồ số 13, 14, 19, 20, 21, 29 và 30	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/11/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án	7000	7000					Bổ sung KHSDD theo nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3381/UBND-KTTH ngày 11/7/2022 (phần diện tích này chưa phù hợp quy hoạch sử dụng đất)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (cờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chữ trương, quyết định, ghi vào	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + (10) + (11) + (12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Khu dân cư trung tâm xã Bình Trung	3,80	xã Bình Trung	Tờ bản đồ số 17, xã Bình Trung	UBND huyện Bình Sơn đăng ký danh mục thu hồi đất để thực hiện đầu tư, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư	50000					50000,00	
5	Nút giao Quốc lộ 1A dự án Khu dân cư Đông Nam thị trấn Châu Ô	0,05	thị trấn Châu Ô	Tờ bản đồ số 29	Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 và được UBND tỉnh Quảng Ngãi điều chỉnh Quyết định chấp thuận đầu tư dự án tại Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	9.200,00					9200,000	
	<b>Tổng cộng: 5</b>	<b>50,66</b>				<b>71280</b>	<b>0</b>	<b>7580</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>59200</b>	



## DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Tờ trình số 353.../TT-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Kè chống sạt lở bờ sông thôn Sơn Châu, xã Long Sơn, huyện Minh Long	1,6	Xã Long Sơn	Từ bản đồ số 37.48, 59, 60. Tỉ lệ 1/1000 xã Long Sơn	QĐ số 685/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của CT UBND huyện Minh Long, về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư công trình kè chống sạt lở bờ sông thôn Sơn Châu, xã Long Sơn, huyện Minh Long; Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc phân bổ nguồn vượt thu ngân sách cấp tỉnh so với HĐND tỉnh giao năm 2021	20,000			20,000			
<b>Tổng: 1</b>						<b>20,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>20,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	

Biểu 02:

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA,**  
**ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHÌ NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Tờ trình số ...**458** /**UBND** ngày **22** /**9**/2022 của **UBND** tỉnh)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Ghi chú	
				Diện tích đất LỬA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)		
1	Huyện Sơn Tịnh	7	27,66	5,13		Biểu 2.1	
2	Huyện Tư Nghĩa	2	12,86	4,62		Biểu 2.2	
3	Huyện Mộ Đức	3	15,49	0,16		Biểu 2.3	
4	Huyện Sơn Hà	3	2.51665	0,5479	0,00362	Biểu 2.4	
5	Thành phố Quảng Ngãi	1	13,75	1,05		Biểu 2.5	
6	Huyện Nghĩa Hành	3	8,72	3,98		Biểu 2.6	
7	Thị xã Đức Phổ	24	199,78	83,39		Biểu 2.7	
8	Huyện Bình Sơn	2	1,812	0,2199		Biểu 2.8	
9	Huyện Ba Tơ	2	10,72	5,67		Biểu 2.9	
<b>Tổng</b>			<b>47</b>	<b>293,30865</b>	<b>104,7678</b>	<b>0,00362</b>	





**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN SON TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số .../TT-T.UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Trong đó			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Ghi chú
		Diện tích QH (ha)	Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hồ chứa nước Hồ Vàng	2,50	0,98	0,00	Tỉnh Hiệp	Tờ Bản đồ số 14,15	
2	Hồ chứa nước Hồ Đèo	2,50	0,79	0,00	Tỉnh Hiệp	Tờ Bản đồ số 25	
3	Hồ chứa nước Đá Chông	2,50	0,82	0,00	Tỉnh Bình và Tỉnh Thọ	Tờ Bản đồ số 1 xã Tỉnh Bình; và Tờ Bản đồ số 11, 17 xã Tỉnh Thọ	
4	Dự án xây dựng mới hồ chứa Hồ Sâu	18,00	1,75		xã Tỉnh Đông	Tờ bản đồ số 13, 18, 19, 25 và 28 xã Tỉnh Đông	
5	Sân vận động xã Tỉnh Bắc	1,00	0,41	0,00	xã Tỉnh Bắc	Tờ bản đồ số 12, xã Tỉnh Bắc	
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Tỉnh Bắc – Tỉnh Đông, huyện Sơn Tỉnh	0,862	0,084	0,00	Xã Tỉnh Bắc	Tờ bản đồ số 12, xã Tỉnh Bắc	
7	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tỉnh	0,300	0,300	0,00	Tỉnh Hà	Tờ bản đồ số 14, xã Tỉnh Hà	
<b>Tổng cộng</b>		<b>27,66</b>	<b>5,13</b>	<b>0,00</b>			





Biểu 2.2

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN TƯ NGHĨA**

(Kèm theo Tờ trình số .../152/TT-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Diện tích đất			Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			đất LVA (ha)	đất RPH (ha)	đất khác (ha)			
1	Chùa Cảnh Tiên	0,22	0,12			Xã Nghĩa Thương	Tờ bản đồ số 18	
2	Khu đô thị mới Nam Trường Chinh (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa)	12,64	4,50			xã Nghĩa Điền	Tờ bản đồ số 4,9,10	QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư 847/QĐ-UBND ngày 03/8/2022. Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư
<b>Tổng cộng: 2</b>		<b>12,86</b>	<b>4,62</b>					



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN MỘ ĐỨC**

(Kèm theo Tờ trình số .../UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, gia đoạn IIb	15,3	0,04	0,0	Xã Đức Chánh và Đức Minh	Tờ bản đồ số 08, 09, 16, xã Đức Chánh; Tờ bản đồ số 01, 04, 09, 10, 13, 16, 20, 21, 24 xã Đức Minh	Đã phê duyệt Kế hoạch Sử dụng đất tại Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú	0,13	0,06	0,0	Xã Đức Phú	Tờ bản đồ số 16,23	
3	Nhà Văn hóa thôn Thạch Trụ Tây	0,06	0,06	0,0	Xã Đức Lân	Tờ bản đồ số 44 của xã Đức Lân	
<b>Tổng cộng có 03 công trình</b>		<b>15,49</b>	<b>0,16</b>	<b>0,00</b>			

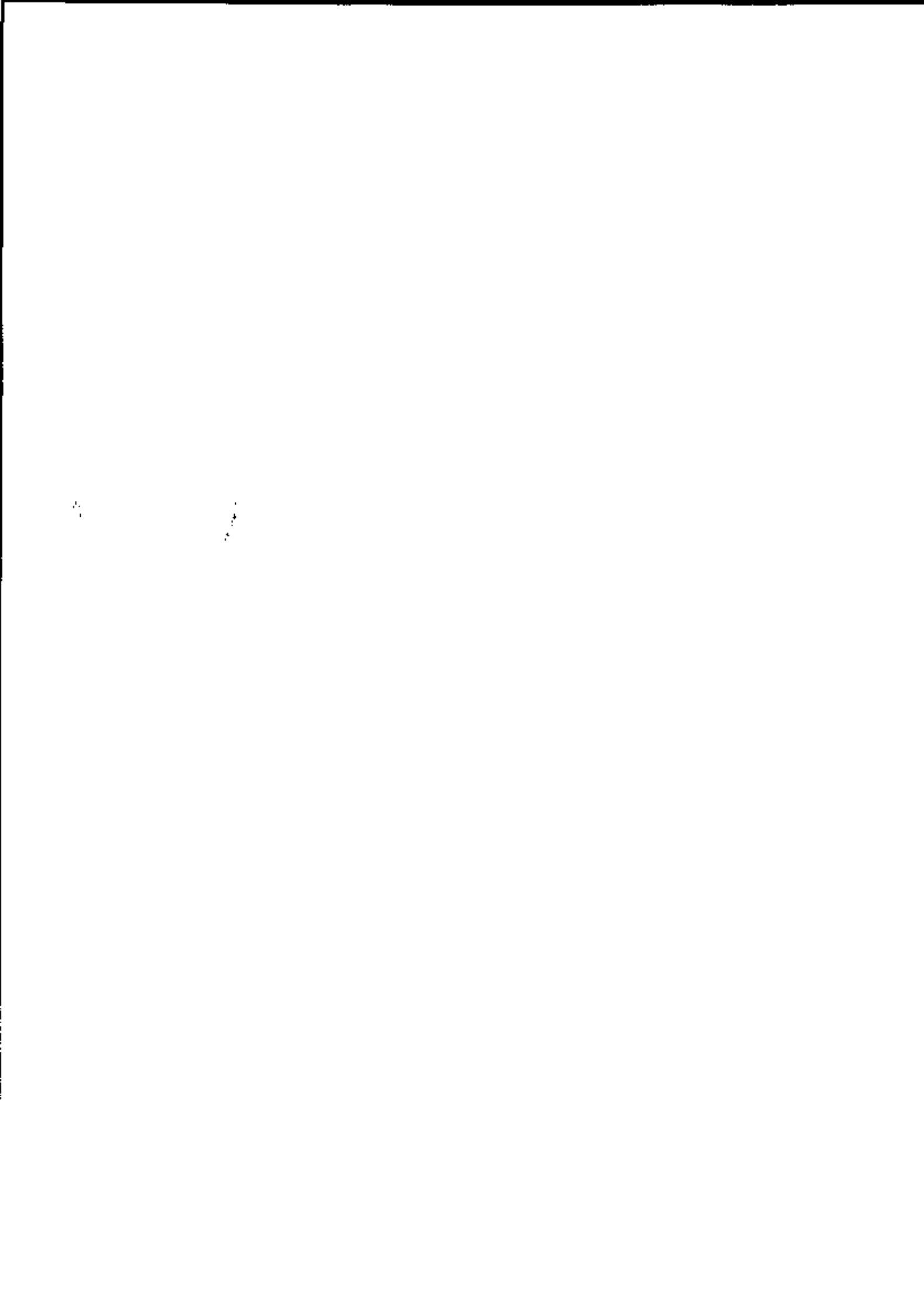


**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ  
SANG ĐẤT PHÌ NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 CỦA HUYỆN SON HÀ**

(Kèm theo Tờ trình số .../ST/TT-UBND ngày 22/09/2022 của UBND tỉnh)



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó:		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý  (các chủ trương, QĐ, ghi vốn, )	Ghi chú
			Đất LỬA	Đất RPH				
1	Cầu Sông Tang (Son Bao)	0,90	0,0337		xã Sơn Bao	668542 xã Sơn Bao	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà tại QĐ số 1391 ngày 31/12/2021	
2	Công trình tiểu dự án: Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,50	0,0342	0,00362	các xã		Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Sơn Hà tại QĐ số 149 ngày 13/3/2020	
3	Sân vận động xã Sơn Linh	1,11665	0,4800		xã Sơn Linh		Nghi quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/7/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà về việc phân khai chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Sơn Hà	
<b>Tổng cộng: 3</b>		<b>2,51665</b>	<b>0,5479</b>	<b>0,00362</b>				



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU YÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Tờ trình số .../TT-UBND ngày .../.../2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LỬA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư Đông Thiên Ân	13,75	1,05		Xã Tịnh An	Tờ bản đồ số 1, 5, 18, 22	
<b>TỔNG CỘNG: 1</b>		<b>13,75</b>	<b>1,05</b>	<b>0,00</b>			

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH ĐỰNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG  
HỘ SANG ĐẤT RỪNG NGHĨA NĂM 2022 HUYỆN NGHĨA HÀNH**

*(Kèm theo Tờ trình số 158/TTR-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành. Địa điểm thực hiện: Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành (khu Tái định cư Hành Thuận)	1,42	0,72		Xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 04, 11, 12 xã Hành Thuận	
2	Đường huyện DH.59C	3,10	0,71		Xã Hành Thuận, Hành Đức và TT Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 11, 17 xã Hành Thuận; Tờ bản đồ số 01 xã Hành Đức và tờ bản đồ số 01, 12, 17, 22 thị trấn Chợ Chùa	
3	Khu dân cư phía Tây Đường Tránh Đông, xã Hành Thuận	4,20	2,55		Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 17 xã Hành Thuận	
<b>Tổng cộng: 3</b>		<b>8,72</b>	<b>3,98</b>				



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỪA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG**

(Kèm theo **Tờ trình số 124** .../TT-UBND ngày **28/09/2022** của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu dân cư An Hưng Phát	2,85	1,00		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 30, 31	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
2	Khu dân cư phía Đông chi cục thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tơ	4,47	3,09		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 13, 14, 16, 17	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
3	Khu dân cư Nam Hùng Vương	12,76	2,00		Phường Phổ Hòa	Tờ bản đồ số 4, 10, 11, 14	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
4	Khu dân cư Vinh Hòa	8,86	8,02		Phường Phổ Hòa	Tờ bản đồ số 5, 6	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan
5	Khu dân cư Hòa Bình	9,99	5,70		Phường Phổ Hòa	Tờ bản đồ số 4, 5, 14	Thực hiện lựa chọn nhà dân tư theo quy định của Luật Đất tư và pháp luật có liên quan

6	Khu dân cư phía Tây đường Phạm Văn Đồng và chính trang đô thị Đức Phổ	4,70	3,41		Phường: Phố Hòa, Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 3, 4 phường Phố Hòa; Tờ bản đồ số 32 phường Nguyễn Nghiêm	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
7	Khu dân cư An Thường và chính trang đô thị Đức Phổ	9,61	8,00		Phường: Phố Hòa, Phố Vĩnh	Tờ bản đồ số 11 phường Phố Vĩnh; Tờ bản đồ số 6, 15 Phường Phố Hòa	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
8	Khu đô thị phía Bắc đường Ngô Quyền	6,93	5,36		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 10, 11	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
9	Khu dân cư đường Võ Trung Thành	9,76	8,14		Phường Phố Minh	Tờ bản đồ số 13, 16	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
10	Khu đô thị Ngọc Thán Happy House và chính trang đô thị Đức Phổ	10,00	9,01		Phường Phố Ninh	Tờ bản đồ số 5	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
11	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Cường	39,90	1,76		Xã Phố Cường	Tờ bản đồ số 17, 27, 28	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
12	Nghĩa trang tập trung của thị xã tại Phố Phong	25,00	0,16		Xã Phố Phong	Tờ bản đồ số 10, 11, 20	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan

13	Khu dân cư Tam Bảo	8,60	7,61		Phường Phú Minh	Tờ bản đồ số 16, 17	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
14	Khu dân cư Đông Tam Bảo, xã Phú An, thị xã Đức Phổ	5,24	5,24		Xã Phú An	Tờ bản đồ số 8, 11, 13	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
15	Khách sạn và Siêu thị Hưng Phúc Thành	0,04	0,04		Phường Nguyễn Nghiêm	Tờ bản đồ số 13	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
16	Khu dịch vụ và khách sạn Vy Phương	0,70	0,7		Phường Phú Ninh	Tờ BLD số 5	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Đặng Vy	15,22	0,09		Phường Phú Thành	Tờ bản đồ số 1, 2, 5	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
18	Khu dịch vụ Nhà hàng Phi Bảo	0,52	0,52		Phường Phú Vinh	Tờ bản đồ số 23	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan
19	Khu dịch vụ thương mại Đất Vàng	0,54	0,54		Xã phố Châu	Tờ BD số 18	Thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật có liên quan

20	MIR cửa hàng xăng dầu số 20	0,25	0,25		Xã Phố Châu	Tờ BẾ số 24,25	Thực hiện lựa chọn nhờ đấu tư theo quy định của Luật Đấu tư và pháp luật có liên quan
21	Trường Trung cấp văn hóa du lịch	2,14	2,14		Xã Phố Cường	Tờ bán đồ số 18	Thực hiện lựa chọn nhờ đấu tư theo quy định của Luật Đấu tư và pháp luật có liên quan
22	Trạm Trung chuẩn hàng hóa và mua bán phụ tùng ô tô	0,30	0,30		Xã Phố Khánh	Tờ bán đồ số 35	
23	Khu tái định cư phục vụ dự án Dầu tư hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ Cầu Bàu đến Sông Rổ)	0,70	0,37		Phường Phố Hòa	Tờ bán đồ số 5 Phường Phố Hòa	
24	Đầu tư hệ thống thoát nước khu vực đô thị (từ cầu Bàu đến Sông Rổ)	20,70	9,94		Phường: Phố Hòa, Phố Mình, Nguyễn Nghiêm	Tờ số 4,5,6 phường Phố Hòa; tờ số 29, 32 phường Nguyễn Nghiêm; tờ số 13,14,16 phường Phố Mình	
24	<b>Tổng cộng: 24</b>	<b>199,78</b>	<b>83,39</b>				



**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠM MỤC HIỆN TRONG NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SƠN**

*(Kèm theo Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 22/19/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đất LVA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	GHI CHÚ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Tri Bình, xã Bình Nguyên	0,28	0,09		xã Bình Nguyên	Tờ bản đồ số 9	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Vạn Tường; Hàng mục mái taluy (phần bổ sung năm ngoài quy hoạch sử dụng đất)	1,532	0,1299		xã Bình Hải	Tờ bản đồ số 13, 14, 19, 20, 21, 29 và 30	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/11/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương
Tổng cộng: 2		1,812	0,2199	0,00			

**DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ**  
**SANG ĐẤT PHỤ NÔNG NGHIỆP NĂM 2022 HUYỆN BA TƠ**

*(Kèm theo Tờ trình số 418.../TT-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ, thửa số)	Ghi chú
			Diện tích đất L/UA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
1	Khu dân cư đô thị mới Ba Tơ	10,0	4,95		thị trấn Ba Tơ	Tờ 2, 5, 6, 7 BDDC thị trấn Ba Tơ	Đã được thông qua tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh và được phê duyệt trong KHSDĐ năm 2022 huyện Ba Tơ theo Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh
2	Cửa hàng xăng dầu Ba Bích	0,72	0,72		xã Ba Bích	Tờ 5 BDDC tỷ lệ 1/1000 xã Ba Bích	Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Cửa hàng xăng dầu Ba Bích
<b>Tổng cộng: 2</b>		<b>10,720</b>	<b>5,670</b>				



Biểu 03:

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH DỰ ÁN XEN TIẾP TỨC THỰC HIỆN**  
**TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số ... 458/GTB-UBND ngày 22/09/2022 của UBND tỉnh)



TT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	3	0,4	Biểu 3.1
2	Thị xã Đức Phổ	1	0,66	Biểu 3.2
3	Thành phố Quảng Ngãi	2	2,2	Biểu 3.3
4	Huyện Bình Sơn	1	1,95	Biểu 3.4
<b>Tổng</b>		<b>7</b>	<b>5,21</b>	



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐUẨN TRƯỚC NĂM 2019 XIN TIẾP TỤC THỰC HIỆN**  
**TRỒNG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số **103/TTr-UBND** ngày **22/19/2022** của UBND tỉnh)



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trồng độ						Ghi chú	
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
1	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh B4	0,1300	xã Tịnh Sơn	Từ 0,05 ha thành 0,1049 ha	0	0,13	0,00	0,00	0,13	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thủy Lợi 7 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xin chuyển mục đích và giao đất của dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu bổ sung KHSD đất năm 2022 và bổ sung phần diện tích đất trồng lúa nước tăng thêm so với diện tích đất trồng lúa nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018
2	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh BBM1-C2	0,1000	xã Tịnh Hiệp	Từ 0,4 ha thành 0,8158 ha	0	0,10	0,00	0,00	0,10	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng Thủy Lợi 7 đã nộp hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xin chuyển mục đích và giao đất của dự án và Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu bổ sung KHSD đất năm 2022 và bổ sung phần diện tích đất trồng lúa nước tăng thêm so với diện tích đất trồng lúa nước đã được UBND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QII (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trong đó						Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
3	Xây dựng chùa Pháp Hoa	0,17	xã Tịnh Hà	0,00	0,00	0,10	0,07	0,00	0,00	<p>Chùa Pháp Hoa là công trình tôn giáo tín ngưỡng, UBND huyện đã nhiều lần giải quyết, đơn kiến nghị của Ban hộ tự chùa Pháp Hoa và đã có Báo cáo số 85/BC-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện Sơn Tịnh về tình hình thực hiện thủ tục đất đai để xây dựng Chùa Pháp Hoa.</p> <p>Theo ý kiến của Sở Xây dựng tại Công văn số 170/SXD-QHKT ngày 16/01/2018 và Ban Hộ tự chùa thi diện tích xây dựng 509m<sup>2</sup> và hình thể tam giác không đảm bảo xây dựng chùa. Do đó, thời gian qua không thể triển khai thực hiện được, đến nay đã thống nhất diện tích quy hoạch 2.500m<sup>2</sup> để đảm bảo điều kiện xây dựng chùa. Ban Hộ tự chùa có đơn kiến nghị rất nhiều lần liên quan đến KHSD đất để xây dựng chùa, UBND huyện kính đề nghị các cấp tiếp quan quan tâm, xem xét giải quyết</p>	Kế hoạch sử dụng đất năm 2018
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,33</b>	<b>0,07</b>	<b>0,00</b>	<b>0,23</b>		

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TỰC THỰC HIỆN NĂM 2022 THỊ XÃ ĐỨC PHỒ

(Kèm theo Tờ trình số .../.../... UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trong đó			Tình hình giao đất		Lý do xin tiếp tục thực hiện giao đất, cho thuê đất trong năm 2022	Ghi chú
				Đất lúa	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1	Khu Dịch vụ Gia Bảo	Phường Phố Mình	0,66	0,66				Dự án được UBND tỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 29/7/2022, theo đó tiến độ thực hiện dự án được điều chỉnh đến quý II/2023	KHSDD 2019	
Tổng cộng: 1			0,66							



## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022 THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số ~~158~~.../TT-UBND ngày 22/19/2022 của UBND tỉnh)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Trạng thái		Tình hình giao		Lý do xin tiếp tục thực hiện trong năm 2022	Ghi chú
				Đã thu hỏi	Chưa thu hỏi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I. Công trình thuộc vốn ngân sách nhà nước</b>									
1	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	1,82	Phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh An, xã Tịnh Ân Đông	1,75	0,07		1,82	Đề tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022	2019
2	Đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Cư Trinh)	0,38	Phường Lê Hồng Phong	0,01	0,37		0,38	Đề tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, GPMB thực hiện dự án trong năm 2022	2019
<b>TỔNG CỘNG: 2</b>		<b>2,20</b>		<b>1,76</b>	<b>0,44</b>		<b>2,20</b>		



## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XIN TIẾP THỰC HIỆN NĂM 2022 HUYỆN BÌNH SON

(Kèm theo Tờ trình số 162 / TT-UBND ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh)

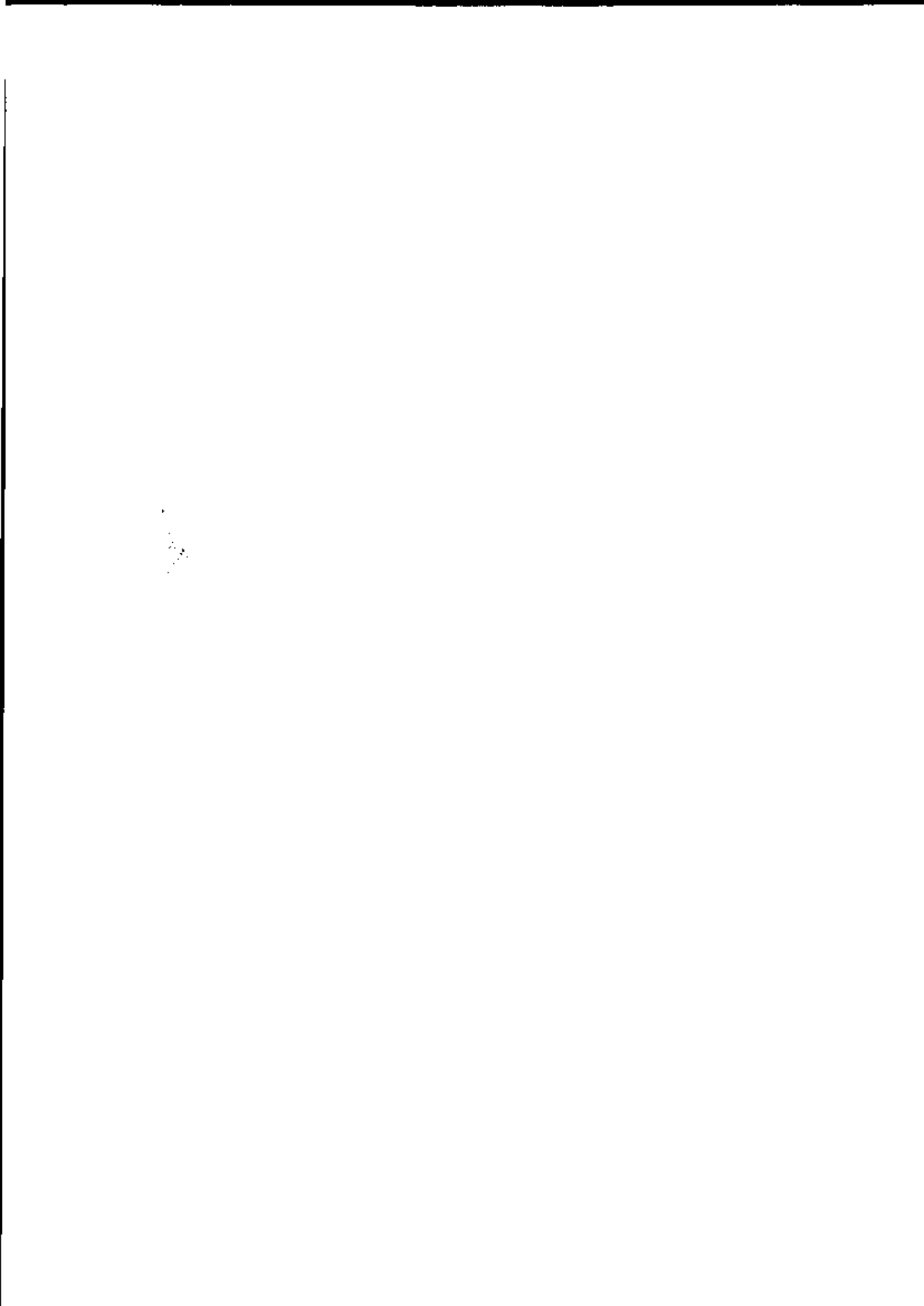
Stt	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trồng đó			Tình hình giao đất		Lý do xin tiếp tục thực hiện giao đất, cho thuê đất trong năm 2022	Ghi chú
			Đất lúa	Đã thu hồi	Chưa thu hồi	Đã giao	Chưa giao		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Mở rộng Cụm công nghiệp Bình Nguyễn (giai đoạn 3)	xã Bình Nguyễn, xã Bình Trung	1,95	0,50	1,30	0,65		Đăng ký thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất trong Cụm công nghiệp Bình Nguyễn	KHSDB 2019
Tổng cộng: 1			1,95						

Biểu 04:

**BẢNG TỔNG HỢP**  
**CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN XÂY DỰNG CHÍNH THỐNG TIN**  
**TRONG NĂM 2022 CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Tờ trình số .../SSG.../TTy-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên huyện, thành phố	Số lượng công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
1	Huyện Sơn Tịnh	6	22,95	Biểu 4.1
2	Huyện Sơn Hà	2	6,23215	Biểu 4.2
3	Huyện Minh Long	2	1,92	Biểu 4.3
<b>Tổng</b>		<b>10</b>	<b>31,10215</b>	



**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐƯỢC CHỈNH DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA**  
**TRONG NĂM 2022 HUYỆN SƠN TINH**

*(Kèm theo Tờ trình số .../TT-UBND ngày .../.../2022 của UBND tỉnh)*



Stt	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích QH (ha)	Trồng đó					Lý do xin điều chỉnh diện tích đất trồng lúa	Ghi chú
				Đất lúa	Đã thu hồi đất	Chưa thu hồi đất	Đã giao đất	Chưa giao đất		
1	Khu dân cư OMM6	Xã Tinh Hà và Tỉnh Sơn	10,3100	Từ 6,10 ha thành 6,5812ha	Đã thu hồi giai đoạn 1 là 4,5502ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,5752ha	5,7598 ha; trong đó có 3,006ha đất trồng lúa	Đã chuyển mục đích và giao đất giai đoạn 1 là 4,5502ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,5752ha	5,7598	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022, phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê thực tế và bản đồ đo vẽ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định	Bổ sung 0,4812 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
2	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh B4	xã Tinh Sơn	0,1400	Từ 0,05 ha thành 0,1049 ha	Đã thu hồi 0,1400 ha, trong đó có 0,1049 ha đất trồng lúa	0,0	0,0	0,0	Bổ sung diện tích đất trồng lúa nước 0,0549 ha để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa nước theo quy định	Bổ sung 0,0549 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
3	Nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi Thạch Nham, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục: Kênh BBM1-C2	xã Tinh Hiệp	1,0000	Từ 0,4 ha thành 0,8158 ha	Đã thu hồi 1,0 ha, trong đó có 0,8158 ha đất trồng lúa	0,0	0,0	0,0	Bổ sung diện tích đất trồng lúa nước 0,4158 ha để hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa nước theo quy định	Bổ sung 0,4158 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022



4	Khu dân cư Vững Tháo xã Tịnh Thọ (nay đổi tên thành Khu tái định cư Vững Tháo, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ, giai đoạn I)	Xã Tịnh Thọ	4,0000	bổ sung 0,8185ha, từ 2,51ha thành 3,3285ha	4,0030ha; trong đó đã thu hồi đất trồng lúa 3,3285ha	0,0168	0,0000	4,0000	Điều chỉnh tên theo đúng Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh, hiện nay dự án đã hoàn thành công tác thu hồi đất; trong đó, diện tích đất trồng lúa đã được Sở TN&MT tỉnh xác nhận tại Công văn số 5475/STNMT-QLĐĐ ngày 12/11/2021.	Bổ sung 0,8185ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
5	KDC số 5, thôn Bình Đông, xã Tịnh Bình	xã Tịnh Bình	0,6000	bổ sung 0,08ha, từ 0,49ha thành 0,57ha	0,0000	6,0	0,0	0,6	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022 và phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê theo thực tế	Bổ sung 0,08 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
6	Năng cấp, mở rộng tuyến đường Trường Xuân - Quốc lộ 24B-Tỉnh Thọ (Bình Hiệp-Tịnh Trà) (ĐH20)	xã Tịnh Hà, Tịnh Thọ	6,9000	bổ sung 0,79ha, từ 0,51ha thành 1,3ha		6,9		6,9	Đề tiếp tục thực hiện dự án trong năm 2022 và phù hợp với diện tích đất lúa kiểm kê theo thực tế	Bổ sung 0,79 ha đất trồng lúa vào KHSD đất 2022
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>22,95</b>			<b>12,92</b>		<b>17,26</b>		

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2022 HUYỆN SON HÀ

(Kèm theo **Bảng tính số** .../TT-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
I	Dự án ngoài ngân sách nhà nước					
I	Khu dân cư Hưng Hà	6,04	Thị trấn Di Lăng	Thuộc mảnh bản đồ địa chính số 665548-3 thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà	Xin điều chỉnh tên Dự án: "Khu dân cư Trường Đàng" thành "Khu dân cư Hưng Hà" theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư Hưng Hà.	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sơn Hà tại QĐ-UBND ngày 22/9/2021
II	Dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà					
I	Kè chống sạt lở Tà Man nối tiếp tại Km0+67 đến Km0	0,19215	Thị trấn Di Lăng	Tờ bản đồ địa chính cơ sở 665548 thị trấn Di Lăng	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sơn Hà tại QĐ số 110/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 với diện tích là 0,19 ha; Nhưng theo hiện trạng của công trình phải mở rộng chân kè taluy để đảm bảo an toàn nên xin điều chỉnh tăng diện tích đất thu hồi là 0,00215 ha, thành tổng diện tích quy hoạch là 0,19215 ha	
	<b>Tổng: 2</b>	<b>6,23215</b>				

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG NĂM 2022 HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Phụ lục số 152/TT-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (số tờ, số thửa) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Lý do xin điều chỉnh	Ghi chú
1	Dường bờ tả sông Phước Giang (giai đoạn 2)	1,6	Xã Long Mai	Tờ bản đồ số 56,62,50,57; tờ bản đồ số 66 tỉ lệ 1/1000	Công trình Đường bờ tả sông Phước Giang (giai đoạn 2), STT 7: Công trình đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Minh Long với diện tích 0,55ha. Năm 2022, UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh diện tích quy hoạch bổ sung 1,05ha tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Nay xin bổ sung 0,64ha đất lúa và tờ bản đồ số 66 tỷ lệ 1/1000 để phù hợp với thực tế, làm cơ sở triển khai thực hiện dự án theo quy định.	Đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 31/12/2021
2	Sân bóng đá mini cỏ nhân tạo kết hợp bể bơi	0,32	Xã Long Hiệp	Tờ bản đồ số 10	Công trình được HĐND tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với diện tích 0,32ha; thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 với diện tích 0,32ha, diện tích đất lúa là 0,22ha. Nay xin bổ sung thêm 0,275ha đất lúa so với diện tích đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh để phù hợp với thực tế làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định.	Đã được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tại Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 17/5/2022.
<b>Tổng: 2</b>		<b>1,92</b>				

















**Dữ liệu trong phòng hộ (Đu)**

STT	Hạng mục	Tài sản	Trang 05															
			Huyện Bình Sơn	Huyện Ba Tư	TX Đạc Phủ	Huyện Lý Sơn	Huyện Minh Lương	Huyện Mộ Đức	Huyện Nghĩa Hành	Huyện Sơn Hà	Huyện Sơn Tây	Huyện Sơn Tịnh	Thị trấn phố	Huyện Trà Nghĩa	Huyện Trà Bồng			
2.4	Danh sách đã được HSC đồng nhận dân số chấp thuận chuyển mục đích sử dụng	10,17	1,16	1,39	0	0	0	0,25	0	4,37	0,14	0	0	0	0	2,66	<p>Nội quy số 28/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất đai, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội quy số 04/2021/LNQH-HĐND ngày 12/2/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục kế hoạch công trình dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất đai, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội quy số 12/2021/LNQH-HĐND ngày 21/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục kế hoạch công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đai, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội quy số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục kế hoạch công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đai, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Nội quy số 14/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục kế hoạch công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất đai, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>	
2.3	Danh sách đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																	
3	Danh sách đã được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không được	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Danh sách đất của hộ dân chuyển mục đích sử dụng đất (4-1-2+3)	496,58	2,25	79,87	51,34	1,50	13,47	9,40	0,00	29,04	24,01	0,00	1,70	8,93	265,07			



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC  
DỤNG THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Tờ trình số 2158.../TT-UBND ngày 22../9/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	Kết quả thực hiện	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú
1	Huyện Nghĩa Hành	296,08	57,11	238,97	Bảng 5.1
2	Huyện Tư Nghĩa	1178,18	39,30	1138,88	Bảng 5.2
3	Huyện Ba Tơ	115,47	7,37	108,10	Bảng 5.3
4	Huyện Sơn Tịnh	733,60	16,70	716,90	Bảng 5.4
5	Huyện Sơn Tây	39,47	3,68	35,79	Bảng 5.5
6	Thành phố Quảng Ngãi	1500,23	16,49	1483,74	Bảng 5.6
7	Huyện Minh Long	41,33	6,86	34,47	Bảng 5.7
8	Huyện Bình Sơn	1490,13	71,87	1418,26	Bảng 5.8
9	Huyện Trà Bồng	119,50	21,32	98,18	Bảng 5.9
10	Huyện Sơn Hà	287,58	39,35	248,23	Bảng 5.10
11	Huyện Mộ Đức	692,79	50,85	641,94	Bảng 5.11
12	TX Đức Phổ	958,52	93,68	864,84	Bảng 5.12





BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC ĐỀ XUẤT ĐĂNG BẠO TRONG LƯU, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG BẮC DỰNG THEO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



Kiểm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 18/9/2022 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Tổng số										Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Chức vụ (Chức vụ, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm và phân)
		Tổng huyện	Xã Hành Dũng	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Thuận	Xã Hành Nghĩa	Xã Hành Phước	Xã Hành Trường	Tổng huyện			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	296,08	32,43	29,37	18,02	80,42	59,67	2,56	29,62	1,91				Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Quang Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành.
2	Kết quả thực hiện	57,110	11,900	0,015	0,015	0,140	1,690	0,430	0,210	0,050				
2.1	Diện tích chuyên mục dịch vụ chung đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư	42,56												Nghị quyết số 27/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022 của Quốc hội
2.2	Diện tích chuyên mục dịch vụ chung đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyên mục dịch vụ chung đất													
	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyên mục dịch vụ chung đất, trong đó:	14,450	11,000	0,015	0,015	0,140	1,690	0,430	0,210	0,050				
	Năm 2021	10	9,95							0,05				Phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/2/2021 của UBND tỉnh Quang Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành
	Năm 2022	4,24	1,950	0,015	0,015	0,140	1,690	0,430						Nghị quyết số 01/2022/NQ-UBND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Quang Ngãi về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyên mục dịch vụ chung đất lưu, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quang Ngãi.
	Năm 2022 (bù sang)	0,21							0,210					



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM GIÁN MỘT ĐỢI CHẤM TỪ DỰNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG**  
**THEO QUẬN HOÀNG KẾ, HỒ CHÍ MINH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

(Kèm theo Tờ trình số 2103/TT-UBND ngày 26/09/2022 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Toàn huyện	Tổng số										Đất rừng phòng hộ (ha)			Toàn huyện	Chi chi (Chi số, thời gian, thẩm quyền, (trích yêu cầu báo))	
			TT Ta HA	TT Sông VÉ	Nghĩa Đình	Nghĩa Trung	Nghĩa Thuận	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Sơn	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Lâm	Nghĩa Thuận	Đất rừng đặc dụng (ha)				
														Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng			Đất rừng đặc dụng
1	Chi tiêu đã được phê duyệt	1178,18	89,30	21,32	33,13	273,61	416,98	47,96	106,89	0,44	17,61	1,59	69,28	8,93	7,93	1,00	0	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa; Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Điều chỉnh hồ sơ dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa
2	Kết quả thực hiện	39,304	5,45	0,05	3,01	8,45	1,98	0,01	10,86	0,023	0,77	0,025	2,43					
2.1	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chi tiêu tương đương tư	6,244																Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH15 ngày 11/7/2022 của Quốc hội
2.2	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chi tiêu tương đương tư																	
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chi tiêu tương đương tư																	
	Diện tích đã được Hội Đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chi tiêu tương đương tư	33,06	5,45	0,05	3,01	8,45	1,98	0,01	10,86	0,023	0,77	0,025	2,43					





**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỨC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG**  
**THị xã QUỠC GIỚI, TỈNH QUẢNG NGÃI**  
 Kèm theo Quyết định số 158/TT-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Hạt rừng đặc dụng (ha)																Tota hạt rừng đặc dụng (ha)	Tota rừng phòng hộ (ha)	Tota rừng đặc dụng (ha)	Chai (Chai xi, chai nhôm, chai nhựa, chai thủy tinh)																		
		Trang trại																																					
		Tota hạt rừng đặc dụng (ha)	Thị số Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng	Xã Ba Làng					Xã Ba Làng																	
1	Chiều dài đường phân lô	110,47	34,28	2,04	4,87	4,93	1,48	6,78	0,49	0,05	4,72	0,25	0,14	2,74	4,54	2,09	1,65	0,17	20,27	7,23	10,42	0,12	1,28	0,20	20,00	2,08	0,19	1,20	5,80	4,42	0,05	9,11	0	Quỹ đất số 823/QĐ-UBND ngày 10/09/2011 của UBND tỉnh về việc phân bổ quỹ đất cho huyện Ba Tơ và kế hoạch sử dụng đất năm 2008 của huyện Ba Tơ và kế hoạch sử dụng đất năm của các huyện sử dụng đất					
2	Kết quả thực hiện	7,27	0,71	0,20	0,15									2,21	0,05				0,01	0,21	1,57	1,38	0,48									0,20							
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																																						
2.2	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																																						
2.3	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó:	7,27	0,71	0,20	0,15									2,21	0,05				0,01	0,21	1,57	1,38	0,48																
2.4	Nhà 2022	0,20	0,41	0,07											0,02																								
	Nhà 2012	0,21	0,28	0,23	0,15									0,23						0,01	0,21	0,27	0,23																
	Nhà 2012 (chờ sang)	5,86	0,07											2,28	0,03																								





STT	Tên đơn vị	Số lượng (ha)											Số rừng đặc dụng (ha)	Số rừng phòng hộ (ha)	Số rừng đặc dụng (ha)	Giá trị (nghìn đồng)	
		Trong đó															
		Xã Tân Bắc	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức	Xã Thủ Đức					
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất																
4	Tổng giá trị đất của các rừng đặc dụng (1 + 2 + 3)	916,9	39,43	5,52	12,46	7,1	192,26	2,13	17,85	215,824	75,64	139,45	6,23	0	0		



**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN SƠN TÂY, TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Độc lập Tự trọng*

TTY-UBND ngày 22/09/2022 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)												Đất rừng phòng hộ (ha)						Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Chỉ số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)		
		Trong đó						Trong đó															
		Totals huyện	Xã Sơn Bùn	Xã Sơn Dung	Xã Sơn Lấp	Xã Sơn Liên	Xã Sơn Loang	Totals huyện	Xã Sơn Bùn	Xã Sơn Dung	Xã Sơn Lấp	Xã Sơn Loang	Xã Sơn Mân	Xã Sơn Tân	Xã Sơn Tỉnh								
1	Chai tiêu đã được phê duyệt	39,47	0,91	11,67	0,26	6,66	1,15	3,33	18,78	2,00	0,71	34,15	2,50	3,27	0,02	0,61	3,16	2,49	0,10	22,06	0	Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Tây	
2	Kết quả thực hiện	3,68	0,76		0,03		0,34		2,17	0,38		0,14			0,04				0,1		0,1		
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																						
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																						
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																						
	Diện tích đã được Hội Đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó:	3,68	0,76	0	0,03	0	0,34	0	2,17	0,38	0	0,14	0	0	0,04	0	0	0	0,1	0			
2.4	Năm 2021	1,99	0,7		0,03		0,01		0,87	0,38		0,1							0,1				

Ngày quyết số 29/2020/QĐ-UBND ngày 31/1/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh mục đích sử dụng đất, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi









**BẢNG TỌNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG  
THEO QUY HOẠCH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo 01 tờ trình số 121/TT-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh)*

STT	Hạng mục	Đất rừng đặc dụng (ha)					Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Chú giải (Chi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)		
		Toàn huyện	Xã Long Sơn	xã Long Môn	xã Long Hiệp	xã Thanh An	Toàn huyện	xã Long Mai	xã Long Hiệp			xã Thanh An	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	41,33	4,43	1,24	24,69	4,23	6,74	13,47	2,47	1,00	10,00	0	Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Minh Long
2	Kết quả thực hiện	6,86	0,01	0,62	5,09	0,54	0,6	0					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư												
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư												
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất												
	Diện tích đã được Hội Đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, trong đó:	6,86	0,01	0,62	5,09	0,54	0,6	0					

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)										Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trình tự và bản)
		Toàn huyện	Trong đó					Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện				
			Xã Long Sơn	Xã Long Môn	Xã Long Hiệp	Xã Long Mậu	Xã Thanh An		Xã Long Mỹ	Xã Long Hiệp	Xã Thanh An					
2.4	Năm 2021	0,8	0	0,27	0	0,43	0,1	0	0	0					Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
	Năm 2022	6,06	0,01	0,35	3,09	0,11	0,5								Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại															
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhà đầu tư cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp năm 2021 không thực hiện															
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	34,47	4,42	0,62	19,6	3,69	6,14	13,47	2,47	1	10	0				



